

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/5/2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 441/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc: ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: tổ D, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Ú, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ D, khu phố A, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đoàn Thị Ú tự nguyện chung sống từ năm 1981, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 do việc làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên thường xảy ra cãi vã, cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Năm 2010, ông Đ không còn

sống chung với bà Ú. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên ông Đ yêu cầu ly hôn với bà Ú.

Về con chung: ông Đ và bà Ú có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 24/12/1983; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/01/1989 và Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 06/6/1998, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống, ông Đ và bà Ú tạo lập được các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất diện tích 13.068m² thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 14, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy CNQSDĐ số H01710 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) cấp cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đoàn Thị Ú vào ngày 09/4/2008, tài sản gắn liền đất là 900 cây cao su.

Quyền sử dụng đất diện tích 207,4m² thuộc thửa đất số 3223, tờ bản đồ số 16, tại khu phố D, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy CNQSDĐ số CH20609 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân Đ vào ngày 18/01/2022, tài sản gắn liền đất là căn nhà cấp 4 diện tích 200m².

Quyền sử dụng đất diện tích 2.518m² thuộc thửa đất số 63, 64, 65, 66, tờ bản đồ số 14, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, theo Giấy CNQSDĐ số H01694 do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện B) cấp cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đoàn Thị Ú vào ngày 09/4/2008, tài sản gắn liền là căn nhà cấp 4 với diện tích 100m² và 450 cây cao su.

Theo đơn khởi kiện, ông Đ yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật. Ngày 27/02/2025, ông Đ có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung khi ly hôn. Tại phiên tòa, ông Đ vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về thời gian sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và trình bày bổ sung: Sau khi kết hôn, ông Đ và bà Ú chung sống với gia đình ông Đ. Năm 1991, ông Đ đánh đập bà Ú nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà Ú chuyển về sinh sống cùng gia đình bà Ú. Gia đình hai bên đã hòa giải mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Ú, do thương con nên bà Ú quay về tiếp tục chung sống cùng ông Đ. Khoảng năm 2012, ông Đ có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ và có hành vi đánh đập bà Ú nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, ông Đ và bà Ú vẫn sống chung một nhà tại phường V, thành phố T. Đến tháng 12/2023, ông Đ chuyển đến sinh sống tại phần đất thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Do vợ chồng không có tình cảm nên ông Đ yêu cầu ly hôn, bà Ú đồng ý.

Về con chung: ông Đ và bà Ú có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 24/12/1983; Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 01/01/1986; Nguyễn

Quốc T, sinh ngày 01/01/1989 và Nguyễn Tấn Đ1, sinh ngày 06/6/1998. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Ú thống nhất với ý kiến trình bày của ông Đ về tài sản chung. Tuy nhiên, nguồn gốc hình thành thửa đất số 3016 là do quá trình sống chung, cha mẹ bà Ú cho vợ chồng diện tích đất để xây dựng nhà sinh sống. Ngoài ra, vợ chồng còn khai hoang thêm diện tích đất 38,665,6m² nhưng đến năm 2021, Nhà nước thu hồi diện tích đất này và cấp đất hỗ trợ tái định cư thuộc dự án khu dân cư Ấ phường V, thành phố T cho ông Đ, bà Ú (là thửa đất số 3016 hiện nay). Đối với yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 3016, bà Ú không đồng ý vì hiện nay bà Ú và các con đang sinh sống trên đất. Đối với thửa đất số 130 và các thửa đất 63, 64, 65, 66, tờ bản đồ số 14 tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, bà Ú yêu cầu chia cho các con chung là bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Tấn Đ1 mỗi người diện tích đất 200m², phần diện tích còn lại sẽ chia đôi cho ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đoàn Thị Ú.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ đối với bị đơn bà Ú về việc ly hôn. Đề nghị đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Đoàn Thị Ú được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ú.

[2] Quá trình tố tụng, Tòa án ban hành thông báo đưa bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Hoàng Xuân H, ông Nguyễn Văn L1, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì ông Đ tranh chấp chia tài sản với bà Ú. Quá trình tố tụng, ông Đ rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn nên việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các ông, bà nên căn cứ Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án ban hành thông báo không đưa bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Quốc T, ông Nguyễn Tấn Đ1, ông Hoàng Xuân H, ông Nguyễn Văn L1, Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình

Dương vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa liên quan trong vụ án.

[3] Ông Nguyễn Xuân Đ có đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp chia tài sản khi ly hôn với bà Đoàn Thị Ú. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

[4] Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Đoàn Thị Ú tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1981, đến năm 2000 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị Ú có lời khai đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Ú là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà Ú là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về con chung: ông Đ và bà Ú có 04 người con chung tên Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983; Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1986; Nguyễn Quốc T, sinh năm 1989 và Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1998. Các con chung của ông Đ, bà Ú đã thành niên do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá): nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình c hỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ với bị đơn bà Đoàn Thị Ú về việc tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ với bị đơn bà Đoàn Thị Ú về việc ly hôn như sau:

- Về hôn nhân: ông Nguyễn Xuân Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ú1.
- Về con chung: không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá): nguyên đơn phải chịu 19.367.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm sáu bảy nghìn đồng), đã thực hiện xong.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Xuân Đ được miễn án phí theo quy định.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Sơn Tây Nguyễn Văn T1

Phạm Thị Hương D

